

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân

Bà Lê Thị Hoàng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 340/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn:

Chị Châu Thị Thúy A, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số 03 ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị Châu Thị Thúy A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

Anh Trần Hoàng Q, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số 474/6 ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Anh Trần Hoàng Q vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Châu Thị Thúy A trình bày:

Vợ chồng chị đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Q bạo hành nên vợ chồng đã ly thân. Nay chị A xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị A yêu cầu ly hôn anh Q. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- *Về con chung*: Do con chung tên Trần Thị Kim T, sinh ngày 26/02/2005 đang sống với mình nên sau khi ly hôn, chị A yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

Do bận công việc, không có thời gian đi lại nên chị A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Trần Hoàng Q đến Tòa án để tiến hành hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng*: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Sau khi ly hôn, đề nghị giao con chung tên Trần Thị Kim T cho chị A nuôi. Đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Châu Thị Thúy A đối với anh Trần Hoàng Q thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Trần Hoàng Q cư trú tại số 474/6 ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Châu Thị Thúy A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Trần Hoàng Q đến Tòa án để tiến hành hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt nên việc Tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh Q là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị A và anh Q đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị A cho rằng quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Q bạo hành nên vợ chồng đã ly thân. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập các đương sự nhằm tạo điều kiện để các bên hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh Q cố tình vắng mặt.

Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh Q đã phát sinh và vợ chồng cũng đã ly thân. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh Q đã kéo dài và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp. Ghi nhận việc đương sự không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

[2.2] *Về con chung*: Do con chung hiện tại đang sống với chị A nên cần giao con chung cho chị A tiếp tục nuôi là phù hợp. Ghi nhận việc đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[2.3] *Về tài sản chung*: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị A có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Châu Thị Thúy A được ly hôn anh Trần Hoàng Q.

Ghi nhận việc đương sự không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

[2] **Về con chung**: Sau khi ly hôn, chị Châu Thị Thúy A tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Kim T, sinh ngày 26/02/2005.

Ghi nhận việc đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, cha mẹ có thể thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết..

[3] Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Châu Thị Thúy A có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006622 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Tiến Dũng